

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 24/01/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐ XXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm V, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Văn M, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Phan Văn M kết hôn với nhau ngày 24/10/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc nhưng một năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, từ đầu năm 2023, vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Phan Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu **Phan Bảo K**, sinh ngày 03/6/2019. Cháu **K** hiện nay đang ở cùng anh **M** nên chị nhất trí giao con cho anh **M**, chị **N** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Phan Văn M** trong bản tự khai ngày 30/12/2023 trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị N** tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã **C**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị **N** yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **N**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu **Phan Bảo K**, sinh ngày 03/6/2019. Cháu **K** hiện nay đang ở cùng anh, khi ly hôn anh **M** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã **C**: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phan Văn M** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C** ngày 24/10/2017. Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Phan Bảo K**, sinh ngày 03/6/2019, hiện nay đang sống chung với anh **M**. Chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị cũng không đề nghị hòa giải.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5; điểm a điểm b khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị **N** được ly hôn anh **M**; Về con chung; đề nghị giao cháu **Phan Bảo K** cho anh **M** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị **N** phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phan Văn M** đều có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phan Văn M** đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị **N**, anh **M** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phan Văn M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị **N** và anh **M** phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ đầu năm 2023. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị **N** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu **Phan Bảo K**, sinh ngày 03/6/2019. Vợ chồng đều thống nhất giao con cho anh **M** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phan Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Bảo K, sinh ngày 03/6/2019 cho anh Phan Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000911, ngày 21/12/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N; anh Phan Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh

